| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản số: 196/2025/DS-PT
Ngày: 16 – 4 - 2025
*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Nam.

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Văn Bình; bà Phạm Thị Hồng Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 748/2023/TLPT-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc "*tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Trần Thanh L, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (đã chết ngày 26/3/2025).

- *Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh L:*

1. Bà Lâm Thị Ú, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Vợ của ông L);

2. Chị Lâm Thị Ngọc H1, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Con ruột của ông L);

3. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Con ruột của ông L).

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L:* chị Võ Hướng D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số B, Khu phố C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (văn bản uỷ quyền ngày 17/01/2024 và văn bản uỷ quyền ngày 04/4/2025) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Văn R, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn vắng mặt).

2. Bà Lâm Thị Ú, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn vắng mặt).

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Thị Ú:* chị Võ Hướng D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số B, Khu phố C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (văn bản uỷ quyền ngày 04/4/2025) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Trần Thanh L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:

Phần đất diện tích 5.111,8 $m^2$ thuộc thửa 111, tờ bản đồ 15, toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: QSDĐ) số AG 717433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00929/926/2006/QĐ-UBND do Uỷ ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/9/2006 cho bà và ông Bùi Văn R đứng tên. Diện tích 5.111,8 $m^2$ bao gồm khoảng 3,5 công (0,35 ha) do cha mẹ chồng tặng cho vào năm 1991, diện tích còn lại khoảng 1,5 công (0,15 ha) vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của cụ Lê Thị Y vào năm 1993. Năm 2010 vợ chồng bà chuyển nhượng cho anh Bùi Văn T1 là cháu ruột của ông R diện tích 710 $m^2$ nên diện tích đất còn lại của vợ chồng bà 4.401,8 $m^2$.

Năm 2023 trong quá trình đo đạc làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ, bà phát hiện phần đất của vợ chồng bà đứng tên bị thay đổi hiện trạng tại phần giáp ranh với đất của vợ chồng ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú. Ông L xây dựng hàng rào cố định tại phần giáp ranh với đất của vợ chồng bà, nhưng không thông báo cho gia đình bà biết để thống nhất ranh đất.

Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông L và bà Ú có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng bà phần đất diện tích 182,7 $m^2$ thuộc một phần thửa 111 (thửa mới 392), tờ bản đồ 15, toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ do vợ chồng bà đứng tên năm 2006. Đất có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 395 dài 66,28 m; Hướng Tây giáp thửa 392 dài 66,82 m; Hướng Nam giáp thửa 455 dài 0,28 m; Hướng Bắc giáp đường đất dài 5,24 m.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trần Thanh L là chị Võ Hướng D trình bày:*

Phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú nhận chuyển nhượng của cụ Lê Thị Y (đã chết) vào khoảng năm 1988 với diện tích khoảng hơn 1.600 $m^2$ (ngang 28 mét x dài 70 mét). Khi nhận chuyển nhượng thì ông L được cụ Y chỉ ranh và có cắm mốc ranh rõ ràng. Sau khi chuyển nhượng đất cho ông L thì cụ Y còn một phần đất cạnh phần đất của ông L thì cụ Y chuyển nhượng cho vợ chồng ông Bùi Văn R và bà Nguyễn Thị H hết diện tích đất.

Quá trình sử dụng đất, ông L có tiến hành trồng cây tràm trên phần đất này. Hiện cạnh hàng rào của ông L vẫn còn các gốc cây tràm. Năm 2015, ông L tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh toàn bộ diện tích đất thì có ông R chứng kiến và xác nhận ranh để xây dựng hàng rào, mà không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Thời điểm ông L xây dựng hàng rào chỉ tranh chấp với ông Nguyễn Văn A. Vì cùng thống nhất ranh và đồng ý với việc xây dựng hàng rào trùng lên ranh mà gia đình ông L và ông R xác định, nên hai bên đã sử dụng ranh hàng rào trên từ đó cho đến nay và phía ông R cũng tiến hành trồng cây, xây dựng nhà ở, làm sân…cặp theo hàng rào này mà không có bất kì tranh chấp gì.

Vào năm 2019, ông L tiến hành thủ tục tách thửa sang tên thì khi tiến hành đo đạc diện tích tăng 244,7 $m^2$ nên phía gia đình ông L đã làm hồ sơ cấp đổi tăng diện tích theo đúng hiện trạng. Theo đó, trong hồ sơ cấp đổi có biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 12/02/2019 của Uỷ ban nhân dân (viết tắt: UBND) xã T cũng xác định việc diện tích tăng là do "sai ranh, thửa đất có hàng rào B40 rõ ràng, không tranh chấp". Đồng thời, có ghi nhận ý kiến của tứ cận, trong đó có ông R và ông R ký tên xác nhận vào biên bản này. Quá trình cấp đổi UBND xã T cũng đã ra Thông báo niêm yết công khai theo đúng luật định nhưng phía gia đình ông R cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Nay bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông L và bà Ú có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng bà H và ông R phần đất diện tích 182,7 $m^2$ thuộc một phần thửa 111 (thửa mới 392), tờ bản đồ 15, toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh thì ông L không đồng ý. Vì ông L không lấn đất của gia đình bà H và ông R, mà diện tích đất tranh chấp trên là của gia đình ông L nhận chuyển nhượng từ năm 1988 và sử dụng ổn định cho đến nay.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Văn R trình bày:*

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của vợ ông là nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Ông không trình bày nội dung gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lâm Thị Ú:* Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của chồng bà là bị đơn ông Trần Thanh L, không trình bày nội dung gì thêm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ Điều 166, 175, 176, 221 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai; Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú về tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn R phần đất diện tích 182,7 $m^2$ thuộc một phần thửa 111 (thửa mới 392), tờ bản đồ 15, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AG 717433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00929/926/2006/QĐ-UBND do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/9/2006 cho ông Bùi Văn R và bà Nguyễn Thị H đứng tên. Đất có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp thửa 395 dài 66,28 m;

+ Hướng Tây giáp thửa 392 dài 66,82 m;

+ Hướng Nam giáp thửa 455 dài 0,28 m;

+ Hướng Bắc giáp đường đất dài 5,24 m.

- Ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn R.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị H tự nguyện hỗ trợ giá trị hàng rào cho ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú số tiền 28.045.000 (hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

*(Kèm sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 26/02/2024 và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất bổ sung ngày 09/4/2024* của Công ty TNHH Đ*).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chí phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2024, bị đơn ông Trần Thanh L kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Ngày 26/3/2025 ông Trần Thanh L chết, Tại phiên toà phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L và người đại diện của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh L (đã chết) và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L, sửa bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: ngày 09/10/2024 bị đơn ông Trần Thanh L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, ngày 26/3/2025 ông Trần Thanh L chết nên Toà án đưa hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm vợ ông L là bà Lâm Thị Ú và các con ruột của ông L là chị Lâm Thị Ngọc H1, và anh Trần Quốc T là người kế thừa nguyền nghĩa vụ tố tụng của ông L.

[2] Nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú trả lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn R phần đất diện tích 182,7 $m^2$ thuộc một phần thửa 111 (thửa mới 392), tờ bản đồ 15, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AG 717433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00929/926/2006/QĐ-UBND do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/9/2006 cho ông Bùi Văn R và bà Nguyễn Thị H đứng tên ông L và bà Ú không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Thanh L thấy rằng: Phần diện tích đất tranh chấp 182,7 $m^2$ thuộc một phần thửa 111 (thửa mới 392), tờ bản đồ 15, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AG 717433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00929/926/2006/QĐ-UBND do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/9/2006 cho ông Bùi Văn R và bà Nguyễn Thị H có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị Y1 (đã chết) đến năm 1988 bà Y1 bán một phần đất cho ông L và đến năm 1993 thì bán phần còn lại cho vợ chồng bà H, như vậy ông L là người nhận chuyển nhượng trước bà H, khi ông L nhận chuyển nhượng thì bà bà Y1 là người chỉ ranh, nhưng không đo đạc thực tế, đến khi chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà H thì bà Y1 cũng không đo đạc thực tế mà chỉ ranh sát ranh đất ông L. Sau khi ông L sang nhượng đất của bà Y1 xong phần giáp ranh giữa đất nhà bà Y1 còn lại sau này chuyển nhượng cho bà H, ông L có trồng một dãy tràm vàng

để làm ranh và hiện gốc tràm vẫn đang thể hiện theo hiện trạng quản lý đất của ông L từ khi sang nhượng đất của bà Y1 cho đến nay. Đến năm 2015 ông L xây dựng hàng rào phía gia đình bà H cũng không có ý kiến, năm 2019 ông L làm thủ tục đổi sổ tăng diện tích gia đình bà H có xác nhận vào biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh xác nhận ranh thửa đất rõ ràng, không tranh chấp. Sau đó đến năm 2021 gia đình bà H xây nhà kiên cố sát hàng rào mà ông L xây, cho đến năm 2023 gia đình bà H tiến hành đo đạc làm thủ tục cấp đổi mới phát hiện diện tích thực tế đang quản lý sử dụng ít hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H được cấp nên cho rằng ông L lấn ranh là không có cơ sở vì bởi qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các nhân chứng, những người liên quan và hiện trạng các dấu tích còn sót lại (các gốc tràm) thể hiện ông L đã quản lý, sử dụng ổn định đúng ranh hiện trạng từ khi chuyển nhượng của bà Y1 cho tới nay là năm 1988 đến năm 2023 bà H mới tranh chấp. Như vậy tính đến năm 2023 ông L, bà H đã sử dụng ranh giới ổn định hơn 35 năm mà không có tranh chấp. Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự quy định "….ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp….", nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện. Từ nhận định trên nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L và người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

[4] Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế mình quản lý sử dụng.

[5] Chi phí đo đạc định giá 28.045.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu ghi nhận bà H đã ứng nộp xong. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L tự nguyện chịu ghi nhận đã ứng nộp xong.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định lại án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008679 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của ông L và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L được chấp nhận nên ông L và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L không phải chịu án dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh L (đã chết) và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L là bà Lâm Thị Ú, chị Lâm Thị Ngọc H1, Trần Quốc T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2024/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166, 175, 176, 221 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai; Điều 74, 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Thanh L và bà Lâm Thị Ú về việc *"tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc tài sản: bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 28.045.000 (hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà H đã ứng nộp xong. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L tự nguyện chịu ghi nhận đã ứng nộp xong

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008679 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thanh L (đã chết) người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND.TTN;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TAND tỉnh;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**